

Số: 556/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tán thành chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã
của tỉnh Bắc Ninh năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 28**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 268-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Xét Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp xã của tỉnh Bắc Ninh năm 2025, như sau:

1. Thành lập **phường Kinh Bắc** trên cơ sở sáp nhập 06 ĐVHC cấp xã gồm: nhập toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,12 km², quy mô dân số là 10.355 người của phường Suối Hoa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,73 km², quy mô dân số 31.742 người của phường Tiền Ninh Vệ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,77 km², quy mô dân số là 10.160 người của phường Vạn An; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,92 km², quy mô dân số là 13.948 người của phường Hòa Long; toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,34 km², quy mô dân số là 4.800 người của phường Khúc Xuyên và toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,07 km², quy mô dân số là 13.270 người của phường Kinh Bắc hiện nay. Sau khi thành lập phường Kinh Bắc có diện tích tự nhiên là 19,95 km², quy mô dân số là 84.275 người.

2. Thành lập **phường Võ Cường** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,68 km², quy mô dân số là 19.338 người của phường Đại Phúc; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,49 km², quy mô dân số là 12.234 người của phường Phong Khê và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,91 km², quy mô dân số là 35.683 người của phường Võ Cường hiện nay. Sau khi thành lập phường Võ Cường có diện tích tự nhiên là 18,08 km², quy mô dân số là 67.255 người.

3. Thành lập **phường Vũ Ninh** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,54 km², quy mô dân số là 6.333 người của phường Kim Chân; toàn bộ diện tích tự nhiên là 0,92 km², quy mô dân số là 9.049 người của phường Đáp Cầu; toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,76 km², quy mô dân số là 15.940 người của phường Thị Cầu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,21 km², quy mô dân số là 14.158 người của phường Vũ Ninh hiện nay. Sau khi thành lập phường Vũ Ninh có diện tích tự nhiên là 13,43 km², quy mô dân số là 45.480 người.

4. Thành lập **phường Hạp Lĩnh** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,44 km², quy mô dân số là 13.613 người của phường Khắc Niệm và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,21 km², quy mô dân số là

9.017 người của phường Hạp Lĩnh hiện nay. Sau khi thành lập phường Hạp Lĩnh có diện tích tự nhiên là 12,65 km², quy mô dân số là 22.630 người.

5. Thành lập **phường Nam Sơn** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,61 km², quy mô dân số là 26.832 người của phường Vân Dương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,92 km², quy mô dân số là 16.679 người của phường Nam Sơn hiện nay. Sau khi thành lập phường Nam Sơn có diện tích tự nhiên là 18,53 km², quy mô dân số là 43.511 người.

6. Thành lập **phường Từ Sơn** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 1,47 km², quy mô dân số là 10.884 người của phường Đông Ngàn; toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,59 km², quy mô dân số là 16.338 người của phường Tân Hồng; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,98 km², quy mô dân số là 16.046 người của phường Phù Chẩn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,27 km², quy mô dân số là 22.429 người của phường Đình Bảng hiện nay. Sau khi thành lập phường Từ Sơn có diện tích tự nhiên là 20,31 km², quy mô dân số là 65.697 người.

7. Thành lập **phường Tam Sơn** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,66 km², quy mô dân số là 13.970 người của phường Tương Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,45 km², quy mô dân số là 14.592 người của phường Tam Sơn hiện nay. Sau khi thành lập phường Tam Sơn có diện tích tự nhiên là 14,11 km², quy mô dân số là 28.562 người.

8. Thành lập **phường Đồng Nguyên** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,37 km², quy mô dân số là 7.155 người của phường Trạng Hạ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,54 km², quy mô dân số là 18.868 người của phường Đồng Kỵ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,73 km², quy mô dân số là 20.000 người của phường Đồng Nguyên hiện nay. Sau khi thành lập phường Đồng Nguyên có diện tích tự nhiên là 12,64 km², quy mô dân số là 46.023 người.

9. Thành lập **phường Phù Khê** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,96 km², quy mô dân số là 17.857 người của phường Châu Khê; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,59 km², quy mô dân số là 19.887 người của phường Hương Mạc vào toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,48 km², quy mô dân số là 12.830 người của phường Phù Khê hiện nay. Sau khi thành lập phường Phù Khê có diện tích tự nhiên là 14,03 km², quy mô dân số là 50.574 người.

10. Thành lập **phường Thuận Thành** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,11 km², quy mô dân số 16.841 người của phường Hồ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,71 km², quy mô dân số là 7.449 người của phường Song Hồ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,07 km², quy mô dân số là 13.954 người của phường Gia Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên là

8,69 km², quy mô dân số là 14.074 người của xã Đại Đồng Thành. Sau khi thành lập phường Thuận Thành có diện tích tự nhiên là 26,58 km², quy mô dân số là 52.318 người.

11. Thành lập **phường Mão Điền** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,96 km², quy mô dân số 14.272 người của phường An Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,51 km², quy mô dân số 12.466 người của xã Hoài Thượng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,03 km², quy mô dân số 16.047 người của xã Mão Điền hiện nay. Sau khi thành lập phường Mão Điền có diện tích tự nhiên là 19,5 km², quy mô dân số là 42.785 người.

12. Thành lập **phường Trạm Lộ** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,55 km², quy mô dân số là 10.407 người của xã Nghĩa Đạo và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,69 km², quy mô dân số là 10.725 người của phường Trạm Lộ hiện nay. Sau khi thành lập phường Trạm Lộ có diện tích tự nhiên là 18,24 km², quy mô dân số là 21.132 người.

13. Thành lập **phường Trí Quả** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,78 km², quy mô dân số là 9.037 người của phường Thanh Khương; toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,62 km², quy mô dân số là 14.508 người của xã Đình Tổ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,55 km², quy mô dân số là 11.029 người của phường Trí Quả hiện nay. Sau khi thành lập phường Trí Quả có diện tích tự nhiên là 19,95 km², quy mô dân số là 34.574 người.

14. Thành lập **phường Song Liễu** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,78 km², quy mô dân số 10.252 người của phường Xuân Lâm; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,58 km², quy mô dân số 7.079 người của phường Hà Mãn; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,23 km², quy mô dân số 9.453 người của xã Ngũ Thái và toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,16 km², quy mô dân số 4.974 người của xã Song Liễu hiện nay. Sau khi thành lập phường Song Liễu có diện tích tự nhiên là 17,75 km², quy mô dân số là 31.758 người.

15. Thành lập **phường Ninh Xá** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,56 km², quy mô dân số là 10.974 người của xã Nguyệt Đức và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,25 km², quy mô dân số là 11.395 người của phường Ninh Xá hiện nay. Sau khi thành lập phường Ninh Xá có diện tích tự nhiên là 15,81 km², quy mô dân số là 22.369 người.

16. Thành lập **phường Quế Võ** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 2,76 km², quy mô dân số 9.658 người của phường Phố Mới; toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,77 km², quy mô dân số là 5.824 người của phường Bằng An; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,92 km², quy mô dân số 16.078 người của phường Việt Hùng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,06 km², quy mô

dân số là 8.634 người của phường Quế Tân. Sau khi thành lập phường Quế Võ có diện tích tự nhiên là 23,51 km², quy mô dân số là 40.194 người.

17. Thành lập **phường Phương Liễu** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,02 km², quy mô dân số là 16.739 người của phường Phương Mao và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,35 km², quy mô dân số là 25.516 người của phường Phương Liễu hiện nay. Sau khi thành lập phường Phương Liễu có diện tích tự nhiên là 13,37 km², quy mô dân số là 42.255 người.

18. Thành lập **phường Nhân Hòa** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,52 km², quy mô dân số là 7.413 người của xã Việt Thống; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,8 km², quy mô dân số là 12.885 người của phường Đại Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,98 km², quy mô dân số là 10.611 người của phường Nhân Hòa hiện nay. Sau khi thành lập phường Nhân Hòa có diện tích tự nhiên là 20,3 km², quy mô dân số là 30.909 người.

19. Thành lập **phường Đào Viên** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,34 km², quy mô dân số là 12.993 người của xã Ngọc Xá; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,76 km², quy mô dân số là 7.334 người của phường Phù Lương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,53 km², quy mô dân số là 14.397 người của xã Đào Viên hiện nay. Sau khi thành lập phường Đào Viên có diện tích tự nhiên là 26,63 km², quy mô dân số là 34.724 người.

20. Thành lập **phường Bồng Lai** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,03 km², quy mô dân số là 7.055 người của xã Mộ Đạo; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,11 km², quy mô dân số 7.658 người của phường Cách Bi và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,62 km², quy mô dân số là 10.662 người của phường Bồng Lai hiện nay. Sau khi thành lập phường Bồng Lai có diện tích tự nhiên là 19,76 km², quy mô dân số là 25.375 người.

21. Thành lập **xã Chi Lăng** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,69 km², quy mô dân số là 6.667 người của xã Yên Giả và toàn bộ diện tích tự nhiên là 15,7 km², quy mô dân số là 16.650 người của xã Chi Lăng hiện nay. Sau khi thành lập xã Chi Lăng có diện tích tự nhiên là 23,39 km², quy mô dân số là 23.317 người.

22. Thành lập **xã Phù Lãng** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,58 km², quy mô dân số là 8.216 người của xã Châu Phong; toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,36 km², quy mô dân số là 8.995 người của xã Đức Long và toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,21 km², quy mô dân số là 9.753 người của xã Phù Lãng hiện nay. Sau khi thành lập xã Phù Lãng có diện tích tự nhiên là 28,15 km², quy mô dân số là 26.964 người.

23. Thành lập **xã Yên Phong** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,38 km², quy mô dân số 22.236 người của thị trấn Chờ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,77 km², quy mô dân số 12.595 người của xã Trung Nghĩa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,29 km², quy mô dân số là 13.237 người của xã Long Châu và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,44 km², quy mô dân số là 15.421 người của xã Đông Tiến. Sau khi thành lập xã Yên Phong có diện tích tự nhiên là 27,89 km², quy mô dân số là 63.489 người.

24. Thành lập **xã Văn Môn** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,54 km², quy mô dân số là 13.614 người của xã Yên Phụ; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,47 km², quy mô dân số là 10.516 người của xã Đông Thọ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,25 km², quy mô dân số là 13.319 người của xã Văn Môn hiện nay. Sau khi thành lập xã Văn Môn có diện tích tự nhiên là 15,26 km², quy mô dân số là 37.449 người.

25. Thành lập **xã Tam Giang** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,25 km², quy mô dân số là 11.215 người của xã Hòa Tiến và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,68 km², quy mô dân số là 14.375 người của xã Tam Giang hiện nay. Sau khi thành lập xã Tam Giang có diện tích tự nhiên là 14,93 km², quy mô dân số là 25.590 người.

26. Thành lập **xã Yên Trung** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,35 km², quy mô dân số là 11.108 người của xã Dũng Liệt và toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,99 km², quy mô dân số là 25.221 người của xã Yên Trung hiện nay. Sau khi thành lập xã Yên Trung có diện tích tự nhiên là 18,34 km², quy mô dân số là 36.329 người.

27. Thành lập **xã Tam Đa** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,97 km², quy mô dân số là 10.126 người của xã Thụy Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,33 km², quy mô dân số là 12.060 người của xã Đông Phong và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,22 km², quy mô dân số là 14.544 người của xã Tam Đa hiện nay. Sau khi thành lập xã Tam Đa có diện tích tự nhiên là 20,52 km², quy mô dân số là 36.730 người.

28. Thành lập **xã Tiên Du** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,1 km², quy mô dân số 14.612 người của thị trấn Lim; toàn bộ diện tích tự nhiên là 3,75 km², quy mô dân số là 10.610 người của xã Nội Duệ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 12,12 km², quy mô dân số là 19.590 người của xã Phú Lâm. Sau khi thành lập xã Tiên Du có diện tích tự nhiên là 20,97 km², quy mô dân số là 44.812 người.

29. Thành lập **xã Liên Bảo** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,47 km², quy mô dân số là 8.002 người của xã Hiên

Vân; toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,45 km², quy mô dân số là 13.548 người của xã Việt Đoàn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,9 km², quy mô dân số 12.723 người của xã Liên Bảo hiện nay. Sau khi thành lập xã Liên Bảo có diện tích tự nhiên là 19,82 km², quy mô dân số là 34.273 người.

30. Thành lập **xã Tân Chi** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,57 km², quy mô dân số là 16.342 người của xã Lạc Vệ và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,54 km², quy mô dân số là 11.470 người của xã Tân Chi hiện nay. Sau khi thành lập xã Tân Chi có diện tích tự nhiên là 18,11 km², quy mô dân số là 27.812 người.

31. Thành lập **xã Đại Đồng** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,68 km², quy mô dân số là 13.123 người của xã Tri Phương; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,87 km², quy mô dân số là 32.235 người của xã Hoàn Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,33 km², quy mô dân số là 38.900 người của xã Đại Đồng hiện nay. Sau khi thành lập xã Đại Đồng có diện tích tự nhiên là 19,88 km², quy mô dân số là 84.258 người.

32. Thành lập **xã Phật Tích** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,92 km², quy mô dân số là 8.203 người của xã Minh Đạo; toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,48 km², quy mô dân số là 7.007 người của xã Cảnh Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,43 km², quy mô dân số là 8.750 người của xã Phật Tích hiện nay. Sau khi thành lập xã Phật Tích có diện tích tự nhiên là 16,83 km², quy mô dân số là 23.960 người.

33. Thành lập **xã Gia Bình** trên cơ sở sáp nhập 04 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,66 km², quy mô dân số 10.459 người của thị trấn Gia Bình; toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,2 km², quy mô dân số 11.970 người của xã Xuân Lai; toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,93 km², quy mô dân số 7.869 người của xã Quỳnh Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,19 km², quy mô dân số 12.466 người của xã Đại Bái. Sau khi thành lập xã Gia Bình có diện tích tự nhiên là 29,98 km², quy mô dân số là 42.764 người.

34. Thành lập **xã Nhân Thắng** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,08 km², quy mô dân số là 7.876 người của xã Thái Bảo; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,88 km², quy mô dân số là 8.188 người của xã Bình Dương và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,18 km², quy mô dân số là 10.674 người của thị trấn Nhân Thắng hiện nay. Sau khi thành lập xã Nhân Thắng có diện tích tự nhiên là 22,14 km², quy mô dân số là 26.738 người.

35. Thành lập **xã Đại Lai** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,13 km², quy mô dân số là 9.118 người của xã Song Giang và toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,19 km², quy mô dân số là 10.190 người

của xã Đại Lai hiện nay. Sau khi thành lập xã Đại Lai có diện tích tự nhiên là 15,32 km², quy mô dân số là 19.308 người.

36. Thành lập **xã Cao Đức** trên cơ sở sáp nhập 02 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 8,26 km², quy mô dân số là 9.566 người của xã Vạn Ninh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,5 km², quy mô dân số là 7.400 người của xã Cao Đức hiện nay. Sau khi thành lập xã Cao Đức có diện tích tự nhiên là 19,76 km², quy mô dân số là 16.966 người.

37. Thành lập **xã Đông Cứu** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,68 km², quy mô dân số là 8.281 người của xã Giang Sơn; toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,34 km², quy mô dân số là 10.405 người của xã Lăng Ngâm và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,37 km², quy mô dân số là 9.842 người của xã Đông Cứu hiện nay. Sau khi thành lập xã Đông Cứu có diện tích tự nhiên là 20,39 km², quy mô dân số là 28.528 người.

38. Thành lập **xã Lương Tài** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,1 km², quy mô dân số 12.343 người của thị trấn Thứa; toàn bộ diện tích tự nhiên là 13,23 km², quy mô dân số là 12.756 người của xã Phú Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên là 4,36 km², quy mô dân số 6.731 người của xã Tân Lăng. Sau khi thành lập xã Lương Tài có diện tích tự nhiên là 24,69 km², quy mô dân số là 31.830 người.

39. Thành lập **xã Lâm Thao** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 9,06 km², quy mô dân số là 10.591 người của xã Bình Định; toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,91 km², quy mô dân số là 14.249 người của xã Quảng Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên là 6,29 km², quy mô dân số là 7.592 người của xã Lâm Thao hiện nay. Sau khi thành lập xã Lâm Thao có diện tích tự nhiên là 26,26 km², quy mô dân số là 32.432 người.

40. Thành lập **xã Trung Chính** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 5,2 km², quy mô dân số là 4.695 người của xã Phú Lương; toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,42 km², quy mô dân số là 11.193 người của xã Quang Minh và toàn bộ diện tích tự nhiên là 11,02 km², quy mô dân số là 11.072 người của xã Trung Chính hiện nay. Sau khi thành lập xã Trung Chính có diện tích tự nhiên là 27,64 km², quy mô dân số là 26.960 người.

41. Thành lập **xã Trung Khê** trên cơ sở sáp nhập 03 ĐVHC cấp xã gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,11 km², quy mô dân số là 13.638 người của xã An Thịnh; toàn bộ diện tích tự nhiên là 10,16 km², quy mô dân số là 12.787 người của xã An Tập và toàn bộ diện tích tự nhiên là 7,05 km², quy mô dân số là 12.181 người của xã Trung Khê hiện nay. Sau khi thành lập xã Trung Khê có diện tích tự nhiên là 27,32 km², quy mô dân số là 38.606 người.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 28 thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo)
- Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, TĐB và đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND các Huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- Lưu: VT, VP: LĐVP, phòng CTHĐND ✓

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang